Phụ lục 69
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ PHÚ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 7, 10, 11, 22, 20, 24, 28, 29, 30, 31, 32 Phụ lục 69 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1		Quốc lộ 80B		
a	7	Tiếp giáp Quốc lộ 80B Phú Tân- Chợ Vàm (trừ chợ Mương Kinh, chợ Mương Chùa)	1.800	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B)
b	10	Đường Nam K26 (Từ Quốc lộ 80B - Cống K26 mương Chùa)	450	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Quốc lộ 80B - Cống K26 mương Chùa)
c	11	Đường Nam K26 (Từ cống K26 mương Chùa - Kênh Sườn)	250	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ cống K26 mương Chùa - Kênh Sườn)
d	22	Đường Nam K26 (từ kênh Thần nông - kênh Sườn Phú An)	250	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến K26 (từ kênh Thần nông - kênh Sườn Phú An))

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
2	20	Đường Bắc kênh Phú Hiệp (Từ Quốc lộ 80B Phú Quí - Phú Lợi)	180	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ bắc kênh Phú Hiệp (Từ Quốc lộ 80B Phú Quí - Phú Lợi))
3	24	Đường Đông kênh sườn: Từ ranh dưới Cụm dân cư Đông Phú Thọ, Nam Phú Hiệp - ranh xã Phú Tân	188	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ ranh dưới Cụm dân cư Đông Phú Thọ, Nam Phú Hiệp - ranh xã Phú Tân)
4	28	Đường Tây kênh sườn Phú Thọ: từ giáp xã Phú Tân đến kênh Phú Hiệp	180	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ tây kênh sườn Phú Thọ: từ giáp xã Phú Tân đến kênh Phú Hiệp)
5	29	Đường Bắc kênh Mương Khai: từ kênh Thần Nông đến xã Bình Thạnh Đông	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ bắc kênh Mương Khai: từ kênh Thần Nông đến xã Bình Thạnh Đông)
6	30	Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	200	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
7	31	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	180	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	32	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	I	Khu vực thuộc các ấp: Phú Quí, Phú Quới, Phú Bình, Phú Lợi		
a		Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
	a	Quốc lộ 80B	75	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B)
	b	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)	75	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền))
	c	Khu vực còn lại	45	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí))
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
	a	Quốc lộ 80B	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
	b	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)	86	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)),
	c	Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
2	II	Khu vực thuộc các ấp: Phú Mỹ Hạ, Phú Trung, Phú Mỹ Thượng, Phú Hậu		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
	a	Quốc lộ 80B	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
	b	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)),
	c	Khu vực còn lại	41	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
	a	Quốc lộ 80B	104	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80B),
	b	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)	81	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Tiền)),
	c	Khu vực còn lại	60	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
3	III	Khu vực thuộc các ấp: Phú Đông, Phú Hạ, Phú Thu, Phú Tây		
a	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
	a	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	58	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)),

TT	Số TT PL69 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
	b	Khu vực còn lại	35	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
b	2	Đất trồng cây lâu năm		
	a	Đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)	70	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp đường huyện, lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II)),
	b	Khu vực còn lại	52	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực còn lại (Chỉ xác định một vị trí)),
II	**BỔ SUNG**			
1	I	Khu vực thuộc các ấp: Phú Quí, Phú Quới, Phú Bình, Phú Lợi		
		Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		Bổ sung tên